

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỒ SƠ PHÁP LÝ CHUNG BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM RONG SỤN KHÔ CÁNH TRẮNG®

Số: 03/CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG-
XUỞNG SẢN XUẤT/2023

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ NINH THUẬN
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG-XUỞNG SẢN XUẤT
Ninh Thuận, tháng 9 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH
TRẮNG- XUỞNG SẢN XUẤT/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại
Dịch vụ Cánh Trắg- xưởng sản xuất.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Văn Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh
Ninh Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 088334355.

Mã số: 0312761063-001.

Webste: miendatphanrang.com.

Email: congtycanhtrang@gmail.com.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 30/2023/NNPTNT-NT; ngày
cấp 05/06/2023; nơi cấp Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản
Ninh Thuận.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: RONG SỤN KHÔ CÁNH TRẮNG®

2. Thành phần:

Rong sụn tươi 85 %

Muối 15 %

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất, xem trên
nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.

4.1. Quy cách bao gói.

Khối lượng tịnh: 100 g, 150 g, 250 g, 200 g, 300 g, 350 g, 400 g, 450g, 500
g, 650 g, 750 g, 850 g, 950 g, 1000 g, 2 kg (10 hộp x 200 g), 3 kg (15 hộp x 200 g),
4 kg (20 hộp x 200 g), 6 kg (30 hộp x 200 g), 8 kg (40 hộp x 200 g), 5 kg (10 hộp x
500 g), 7,5 kg (15 hộp x 500 g), 10 kg (20 hộp x 500 g), 15 kg (30 hộp x 500 g), 20
kg (40 hộp x 500 g), 10 kg (10 hộp x 1000 g), 15 kg (15 hộp x 1000 g), 20 kg (20
hộp x 1000 g), 30 kg (30 hộp x 1000 g), 40 kg (40 hộp x 1000 g).



4.2. Chất liệu bao bì:

Bao PE, Bao PE gắn bạc, bao bạc, hộp thủy tinh, nhựa.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10371:2014 về Rong sụn (Kappaphycus alvarezii) khô - Yêu cầu kỹ thuật

2. QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

* Yêu cầu kỹ thuật

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10371:2014 về Rong sụn (Kappaphycus alvarezii) khô - Yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Từ trắng ngà đến nâu sẫm, không có màu đen
2	Mùi	Mùi tự nhiên đặc trưng của rong biển, không có mùi lạ
3	Vị	Có vị mặn của muối biển
4	Trạng thái	Khô, thân rong dai chắc, không mục nát

2. **Chỉ tiêu lý-hóa:** Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10371:2014 về Rong sụn (Kappaphycus alvarezii) khô - Yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Độ ẩm	%	$\leq 40,0$
2	Hàm lượng rong khô sạch	%	$\geq 30,0$
3	Tạp chất	%	$\leq 3,0$
4	Hàm lượng natri clorua	%	$\leq 15,0$
5	Hàm lượng tro không tan trong axit	%	$\leq 1,0$

3. **Các chỉ tiêu kim loại nặng:** Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10371:2014 về Rong sụn (Kappaphycus alvarezii) khô - Yêu cầu kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
-----	----------	-------------	---------

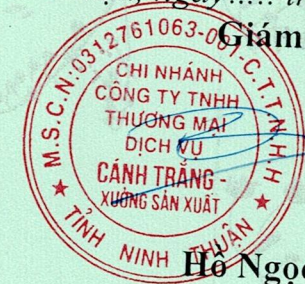
1	Hàm lượng asen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
3	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,05$
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,5$

4. **Các chỉ tiêu vi sinh vật:** Theo QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa (CFU/g)
1	E. Coli	10^2
2	Salmonella	Không phát hiện /25 g

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ninh Thuận, ngày..... tháng 9 năm 2023



Hồ Ngọc Đồng



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0312761063-001

Đăng ký lần đầu, ngày 02 tháng 01 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 06 tháng 04 năm 2023

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG -
XUỒNG SẢN XUẤT

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Khu phố 6, Phường Văn Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0883 34355

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: HỒ NGỌC ĐỒNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 264283698

Ngày cấp: 19/05/2016

Nơi cấp: CA. Ninh Thuận

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG

Mã số doanh nghiệp: 0312761063

Địa chỉ trụ sở chính: 575/86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

K. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
Trương Thị Tố Hương

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0312761063

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 04 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 06 tháng 11 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CANH TRANG SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TM DV CÁNH TRẮNG

2. Địa chỉ trụ sở chính

575/86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0933183718

Fax:

Email: *congtycanhtrang@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HỒ NGỌC ĐỒNG	Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	600.000.000	60,000	264283698	
2	HUYNH THỊ MỸ OANH	Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	400.000.000	40,000	264547193	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Cơ sở/ Establishment: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
CÁNH TRẮNG - XƯỞNG SẢN XUẤT**

Mã số/ Approval number: **0004 - SC,CBNS**

Địa chỉ/ Address: **Khu phố 6, phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh
Ninh Thuận.**

Điện thoại/ Tel: **0933 183718**

Fax :

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ
SẢN XUẤT KINH DOANH SẢN PHẨM:**

*Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:*

Nho khô, Mủ trôm, Táo sấy, Mật nho, Rong sụn

Số cấp/ Number: **30 / 2023 /NNPTNT - NT**

Có hiệu lực đến ngày **05** tháng **6** năm 2026

Valid until (date/month/year): **05 / 6 / 2026**

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số:

Cấp ngày tháng năm

and replaces The Certificate N^o :

issued on (day/month/year)

Ninh Thuận, ngày **05** tháng **6** năm 2023

Ninh Thuan, day **05** month **6** year 2023

CHI CỤC TRƯỞNG



Dương Đình Phương

* Họ và tên: **HỒ NGỌC ĐỒNG**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **09/08/1989**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **264283698**

Ngày cấp: **19/05/2016**

Nơi cấp: **CA. Ninh Thuận**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Đá Bẩn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh
Ninh Thuận, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **575/86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam**

**TRƯỞNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng**



Hồ Hoàng Sơn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32308.08140432
MM32308.081404321

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 28/08/2023

Tên khách hàng/ Customer : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG-XUỐNG SẢN XUẤT
Địa chỉ/ Address : KHU PHỐ 6, PHƯỜNG VĂN HẢI, THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN, VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample : RONG SỤN KHÔ CÁNH TRẮNG
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/08/2023
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 16/08/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Escherichia coli	CFU/g	< 10	ISO 16649-2:2001 (*)
2	Salmonella spp.	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32308.08140432
MM32308.081404321

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 28/08/2023

Tên khách hàng/ Customer : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG-XUỐNG SẢN XUẤT
Địa chỉ/ Address : KHU PHỐ 6, PHƯỜNG VĂN HẢI, THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN, VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample : RONG SỤN KHÔ CÁNH TRẮNG
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/08/2023
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 16/08/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	As	mg/kg	0,62	AOAC 986.15 (*)
2	Cd	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (2022) (Ref. AOAC 999.11) (*)
3	Hg	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.TN.0141 (2018) (Ref. EPA Method 7473 Manual MA 3000 – hãng NIPPON Instruments corporation) (*)
4	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,2	CASE.TN.0018 (2022) (Ref. AOAC 999.11) (*)
5	Tro không tan trong HCl	%	< MQL = 0,1	CASE.TN.0096 (2020) (Ref. TCVN 4071:2009)
6	Cảm quan	.	Trạng thái: Khô, thân rong dai chắc, không mục nát. Màu sắc: Thân rong màu ngà vàng, phủ ngoài lớp muối trắng mịn. Mùi: Mùi đặc trưng của sản phẩm. Vị: Vị mặn đặc trưng của sản phẩm.	CASE.NS.0204:2022
7	Độ ẩm	%	35,3	TCVN 3700:1990 (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105

[8] (84.28) 3911 7216

[6] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[9] F2 - 67, F2 - 68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
☎ (84.292) 3918217 - 3918 218

[8] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;

[6] ketoancantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255

[8] (84.258) 246 5355

[6] vanphongmienntrung@case.vn

TRỤ SỞ CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105

[8] (84.28) 3911 7216

[6] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[9] F2 - 67, F2 - 68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
☎ (84.292) 3918217 - 3918 218

[8] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;

[6] ketoancantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255

[8] (84.258) 246 5355

[6] vanphongmienntrung@case.vn

P 2/2 - MM32308.081404321

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	NaCl	%	45,5	CASE.NS.0018 (2022) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
MQL Ngưỡng định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION


Nguyễn Huy Dũng



Đoàn Thị Bội Hanh



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Số: 0808 TTPT-KD.
v/v: Các chỉ tiêu chưa nhận
phân tích được

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH
TRẮNG-XUỐNG SẢN XUẤT

Trung Tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành Phố Hồ Chí Minh (CASE) cảm ơn quý khách hàng đã
chọn chúng tôi là đối tác phân tích chất lượng hàng hóa của quý vị.

Hiện tại CASE xin thông báo chưa thể nhận thực hiện phân tích đúng như tài liệu Khách hàng yêu cầu
các chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tên mẫu	Ghi chú
1.	Hàm lượng rong khô sạch	RONG SỤN KHÔ CÁNH TRẮNG	BN32308.08140432
2.	Tạp chất		

Trung tâm sẽ sớm có thông báo thay thế thông báo này trong trường hợp có thể nhận phân tích
các chỉ tiêu trên. Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu KD

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG


Trần Thị Thanh Hoa

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH (☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM (☎) 18001105 (☎) (84.28) 3911 7216 (✉) casehcm@casevn	CN CẦN THƠ (☎) F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ (☎) (84.292) 3918217 - 3918 218 (✉) kinhdoanhcantho@casevn ; nhanmaucantho@casevn ; ketoancantho@casevn	VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG (☎) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa (☎) (84.258) 246 5255 (☎) (84.258) 246 5355 (✉) vanphongmientrung@casevn
--	---	---

TRỤ SỞ CHÍNH (☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM (☎) 18001105 (☎) (84.28) 3911 7216	CN CẦN THƠ (☎) F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ (☎) (84.292) 3918216 - 217 - 218 (☎) (84.292) 3918219	VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG (☎) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa (☎) (84.258) 246 5255 (☎) (84.258) 246 5355
--	---	---



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 6

National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department - Branch 6
386C Cách Mạng Tháng 8 - Phường Bùi Hữu Nghĩa - Quận Bình Thủy - Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: (0292) 3884818 ; Fax: (0292) 3881307 ; Email: kiemnghiem.nafi6@mard.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
ANALYTICAL REPORT

Số/No: 082824HL

Trang/Page: 1/1

Khách hàng/Customer:

Địa chỉ/Address:

Số lượng/Quantity:

Ngày nhận mẫu/Receiving date:

Ngày phân tích/Analysing date:

Người gửi mẫu/Delivered by:

Người nhận mẫu/Received by:

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG - XƯỞNG SẢN XUẤT
Khu phố 6, P. Văn Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận,
Việt Nam

01
28/08/2023
28/08/2023
Hồ Ngọc Đồng
Trần Bảo Xuyên



KẾT QUẢ/RESULTS

Số nhận diện mẫu/ Sample code	Tên mẫu Sample	Chỉ tiêu phân tích/ <i>Testing parameter(s)</i>
		NaCl ^(*) (%)
Phương pháp thử <i>Testing Method(s)</i>		Ref. AOAC 937.09; TCVN 1764:2008
L0128	(Rong sụn khô Cánh Trắng) ^(a)	8,83

Trưởng phòng Kiểm nghiệm Hóa học
Head of Chemical Laboratory

Huỳnh Thị Ngọc Liên

Ngày/Date: 31/08/2023

KT. Giám đốc/ Director

Phó Giám đốc



Trần Văn Nghi

Ghi chú/ Notes:

- ^(*): Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025/Parameters are accredited ISO 17025.
- ^(a): Thông tin chi tiết mẫu do khách hàng cung cấp/The detail information of sample(s) provided by customer.
- ND: Không phát hiện/ Not Detected.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi kiểm/ The results are valid on the tested sample(s) only.
- Hoạt động phân tích được thực hiện tại phòng Kiểm nghiệm Trung tâm vùng 6 /Analytical activities were carried out at Nafiqad 6's Labs





PHỤ LỤC I
MẪU BẢN CAM KẾT SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phước Dinh, ngày 20 tháng 10 năm 2024

BẢN CAM KẾT
sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Phước Dinh.

Tôi là: Nguyễn Thị Hoa

Số chứng minh thư hoặc thẻ căn cước hoặc mã số định danh công dân:
058168000174.

Ngày cấp: 10/4/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội.

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh: Nguyễn Thị Hoa

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh
Ninh Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại:

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: Rong sụn.

Nơi tiêu thụ sản phẩm: Trong tỉnh

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn thực
phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Trồng trọt ☐

Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản x

Khai thác, sản xuất muối ☐

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan
quản lý giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

Xác nhận của Cơ quan tiếp nhận
bản cam kết

Chủ cơ sở sản xuất, kinh
doanh

(Ký tên, đóng dấu)
Đã tiếp nhận và đồng ý theo
bản cam kết.
Vũ Bá Đức

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hoa

DIRECTORATE FOR STANDARDS,
METROLOGY AND QUALITY

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 of the Government,

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ,

CERTIFYING

CHỨNG NHẬN

CANH TRANG SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẢNH TRẮNG

Address: 575/86 Nguyen Dinh Chieu, Ward 02, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

Địa chỉ: 575/86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

to have right of using the following article number until the date: 08/07/2024

được quyền sử dụng mã số sau đây đến ngày: 08/07/2024

893 8539910

893 8539910

for the products/services/locations.

cho các sản phẩm/ dịch vụ/ địa điểm của mình.

Hanoi, 08/07/2021
DIRECTOR GENERAL

Hà Nội, 08/07/2021
TỔNG CỤC TRƯỞNG

Tran Van Vinh



Registered No: B053773

Reference No: 2105/21

Số giấy phép: B053773

Số đăng ký: 2105/21

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KHẢO SÁT Supplier Representative Signature & Date	ĐẠI DIỆN BÊN KHẢO SÁT Auditor Signature & Date
--	---

Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ/SUPPLIER REPRESENTATION 'S OPINIONS



BIÊN BẢN KHẢO SÁT/AUDIT REPORT

Cho/For

Công ty TNHH TM DỊCH VỤ CẢNH TRẮNG

Loại đánh giá/Type of Audit	Khảo sát định kỳ
Ngày đánh giá/Date:	29/03/2024
Tiêu chuẩn/Standard:	Saigon Co.op
Thành phần đoàn khảo sát/ Auditor:	1. Nguyễn Thị Tổng Ngọc Huệ - Chuyên viên P.QLCL 2. Đạo Sỹ Hồng Hạ - TT.TPCN

Đại diện Nhà cung cấp/: Hồ Ngọc Đồng- Giám đốc
Supplier's Rep:



LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TPHCM - SAIGON CO.OP
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - QUALITY DEPARMENT
KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHÀ CUNG CẤP - SUPPLIER AUDIT RESULT

1. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER INFORMATION						
Tên cơ sở/Supplier name		Chi Nhánh Công ty TNHH TM DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG-Xưởng sản xuất			Mã NCC/ Vendor	
Địa chỉ/Address		Khu phố 6, phường Văn Hải, TP PRTC-Tỉnh Ninh Thuận			21788	
Đơn vị gia công (nếu có)/Processor		Không có				
Địa chỉ nơi gia công/Address		Không có				
Người đại diện cơ sở/Representative		1. Hồ Ngọc Đồng - Giám đốc 2. - Phó giám đốc				
Số điện thoại liên lạc/Phone number		Email address:				
Loại hình kinh doanh/Supplier type		Sản xuất kinh doanh				
Loại sản phẩm/Product Categories		Mù Trôm, Táo Sậy, Mật nho, Nho khô , rong sụn				
Mặt hàng sản xuất/Principal Products:		Mù Trôm, nho khô, rong sụn, táo sậy				
San lượng/Quantity		20 tấn/năm				
2. THÔNG TIN KHẢO SÁT/AUDIT INFORMATION						
Khảo sát viên/Auditor		Ngày khảo sát/Audit date				
1	Nguyễn Thị Tổng Ngọc Huệ-QA	Tình trạng NCC/ Assessment Type		NCC mới/ Initial ☐		
2	Đạo Sỹ Hồng Hạ -TT TPCN			NCC định kỳ/Recurrent ☒		
3				NCC vi phạm chất lượng/ Quality violation ☐		
Nhân sự theo dõi hồ sơ khắc phục/Personnel in charge		Nguyễn Văn C		Email address:		c-nv@saigonco-op.com.vn
3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT/ASSESSMENT RESULTS						
Hạng mục/Items	A	B	C	N/A	Tổng/Totals	Tỉ lệ/Ratio
I. Hồ sơ pháp lý/Legal documents (*)	5	0	0	5	10	100.0
II. Hồ sơ chất lượng/Quality documents (*)	3	0	0	1	4	100.0
III. Hồ sơ quản lý sản xuất /Manufacturing control records	5	0	0	21	26	100.0
IV.Điều kiện sản xuất/Manufacturing conditions	6	0	0	0	6	100.0
Tổng kết/Overall Score	19	0	0	27	46	100.0
V. Điểm cộng/Bonus points					0	

(*) : Chi tiêu bắt buộc, có thực hiện nhưng không đầy đủ xem như **không đạt**/Required targets, if supplier implemented but incomplete, it will be considered **unmet**.

Điểm A: đảm bảo đầy đủ các yêu cầu của chi tiêu đánh giá và có sự duy trì → điểm quy đổi là **02 điểm/Point A:** If supplier fully meets the requirements of the assessment criteria and maintains it, the score will be **02 points**.

Điểm B: không đảm bảo một trong các yêu cầu của chi tiêu đánh giá → điểm quy đổi là **01 điểm/Point B:** If the supplier does not meet one of the evaluation criteria's requirements, the score will be **01 point**

Điểm C: không đảm bảo tất cả các yêu của chi tiêu đánh giá/ thực hiện đối phó thiếu sự duy trì → điểm quy đổi là **0 điểm/Point C:** If the supplier does not ensure all requirements of the evaluation criteria or perform countermeasures, the score will be **0 point**

N/A: Tiêu chi không áp dụng/Criteria is not applicable

4. XẾP LOẠI VÀ KẾ HOẠCH KHẢO SÁT/CLASSIFICATION AND PLANNING

Nội dung/Content	Điểm tổng (%)/ Final Assessment Score	Kết luận/Conclusion	Xếp loại/ Classification	Thời hạn/ Deadline
Kết quả/Audit Result	100.0	PASSED	ĐẠT	-

Đạt : Không có góp ý khắc phục và tổng điểm quy đổi $\geq 100\%$ **Pass:** The supplier does not recieve comments from the evaluation team for improvement and total score $\geq 100\%$

Cần điều chỉnh: Không có chi tiêu bắt buộc không đạt và tổng số điểm quy đổi $< 100\%$ **Needs adjustment:** The supplier does not have a unmet mandatory criteria and total score $< 100\%$

Không đạt: Có từ 01 chi tiêu bắt buộc không đạt **Fail:** The supplier has at least 01 mandatory target that is not met

Thời gian khắc phục: đối với các chi tiêu không bắt buộc là 45 ngày kể từ ngày khảo sát/ For non-mandatory criteria is 45 days from the date of survey.

Nếu sau thời gian trên, NCC không phản hồi hoặc phản hồi không đầy đủ cho Saigon Co.op về kết quả khắc phục thì xem như điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm tại cơ sở là không đạt./After this time, if the supplier does not respond or provide incomplete feedback to Saigon Co.op about the remedial results, the food safety and hygiene conditions at the facility are considered fail.

Trường hợp nếu NCC phản hồi xin gia hạn thêm thời gian cho khắc phục, Saigon Co.op sẽ xem xét và có phản hồi phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể./In case the supplier responds and requests an extension of time for correction, Saigon Co.op will consider and respond appropriately for each specific case.

Đối với cơ sở có điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm không đạt, Saigon Co.op sẽ từ chối hợp tác hoặc tạm ngưng kinh doanh./For establishments with unmet food safety and hygiene conditions, Saigon Co.op will refuse to cooperate or suspend business.

5. TỔNG QUAN KẾT QUẢ KHẢO SÁT/FINDINGS SUMMARY

5.1 Sự không phù hợp/Non-conformance		
STT/N o.	Nơi phát hiện/Location	Nội dung không phù hợp/Non-conformance content
1		
2		
3		
5.2 Yêu cầu cải tiến/Improvement		
STT/N o.	Nơi phát hiện/Location	Yêu cầu cải tiến/Improvement Action
1		
2		
3		
5.3 Khuyến nghị/ Opportunity For Improvement		
STT/N o.	Nơi phát hiện/Location	Hành động phòng ngừa/Preventive Action
1		
2		
3		



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH THUẬN
CHỨC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Số: 171/BB-CCQLCL

BB 2.2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
CƠ SỞ THU GOM, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên cơ sở: Chi nhánh Công ty TNHH TM DV Canh Trồng - Xử lý Sản xuất
- Địa chỉ: Khu phố 6, phường Văn Hải, TP. Phan Rang - TC, Ninh Thuận
- Giấy đăng ký kinh doanh số 0417003001 ngày cấp 04/1/2023 nơi cấp SỞ KH&ĐT
- Số điện thoại: 0935183718 Số Fax (nếu có):
- Mã số (nếu có): 004-SCCSMS
- Mặt hàng thu gom, sơ chế, chế biến: Nho Khế, Mít Trám, Trắc Sầu, Mận nhò, Rong Sụn
- Ngày thẩm định: 13/12/2024
- Hình thức thẩm định: Định kỳ
- Thành phần Đoàn thẩm định:
 - Bà Phan Thị Mộng Huyền - Trưởng đoàn
 - Ông Nguyễn Thiệu Sơn - Phó đoàn
 - Ông Trần Thanh Vũ - Thành viên
 - Ông Trương Quốc Chí - Thành viên
- Đại diện cơ sở:
 - Ông Hồ Ngọc Đăng - Chủ nhân
 -

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 20, Khoản 1, Điểm a; QCKT tương ứng (nếu có);	Địa điểm sản xuất (phù hợp với quy hoạch của địa phương; có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, nghĩa trang, khu công nghiệp... nhằm tránh bị ô nhiễm cho sản phẩm:)	✓	[]	[]		



Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 25, Khoản 2; QCKT tương ứng (nếu có);	Kết cấu nhà xưởng, bố trí sản xuất (đủ diện tích, dễ làm vệ sinh, không gây ô nhiễm cho sản phẩm; không có hiện tượng ngưng tụ hơi nước; các công đoạn sơ chế, chế biến được bố trí theo nguyên tắc 1 chiều, tránh gây ô nhiễm chéo...)	✓	[]	[]		
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; QCKT tương ứng (nếu có);	Trang thiết bị sản xuất (phù hợp để sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm; trang thiết bị trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, dễ làm vệ sinh...).	✓	[]	[]	[] (đối với dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với SP)	
4	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c, đ; QCKT tương ứng (nếu có);	Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị (sử dụng chất tẩy rửa nằm trong danh mục được phép sử dụng; dụng cụ làm vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng, có quy trình và thực hiện đúng quy trình vệ sinh nhà xưởng...)	✓	[]	[]		
5	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e; QCKT tương ứng (nếu có);	Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân (người trực tiếp sản xuất được khám sức khỏe định kỳ; có kiến thức về ATTP; có khu vực thay bảo hộ lao động; có đủ nhà vệ sinh ở vị trí thích hợp; đủ trang thiết bị làm vệ sinh công nhân; có quy định và thực hiện đúng quy định vệ sinh công nhân...)	✓	[]	[]	[] (nếu phát hiện người trực tiếp SX có dấu hiệu bệnh)	



Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
6	Luật ATTP:	Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào sản xuất thực phẩm (nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống; phụ gia, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định; nguyên liệu đáp ứng yêu cầu để sản xuất thực phẩm...)	✓	[]	[]	[]	
	Điều 10, Khoản 1, Khoản 2, Điểm a; Điều 19, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);						
7	Luật ATTP:	Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)	✓	[]	[]		
	Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 20, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);						
8	Luật ATTP:	Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển (vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; Ghi nhãn đầy đủ thông tin, đúng quy định; có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ; ...)	✓	[]	[]	[] (đối với bao gói trực tiếp)	
	Điều 18; Điều 10, Khoản 2, Điểm b,c; Điều 19, Khoản 1, Điểm c,d; Điều 20, Khoản 1, Điểm a,c; QCKT tương ứng (nếu có);						
9	Luật ATTP:	Điều kiện bảo đảm ATTP và QLCL (duy trì điều kiện bảo đảm ATTP; có quy định và thực hiện thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành vệ sinh tốt (SOP); khuyến khích cơ sở áp dụng các chương trình QLCL tiên tiến theo HACCP, ISO 22000; riêng cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản phải xây dựng và áp dụng HACCP)	✓	[]	[]		
	Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; QCKT tương ứng (nếu có);						

Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
		Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
10	Luật ATTP: Ghi chép và truy xuất nguồn gốc (ghi chép việc tiếp nhận và sử dụng nguyên liệu, vật tư đầu vào của quá trình sản xuất; việc ghi chép các biểu giám sát thực hiện GMP, SOP; biện pháp khắc phục các sai lỗi; các ghi chép nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm...)		[✓]	[]		+ HS ghi chép giám sát về dinh dưỡng đầy đủ + HS: Lỗi được ngay
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: 10/10 nhóm chỉ tiêu		ac	mi	0	0	Xếp loại: A

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH (kèm theo Biên bản lấy mẫu):

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),
2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:
2. Đề xuất xếp loại cơ sở: Xếp loại A

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

ngày 13 tháng 12 năm 2024
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

ngày 13 tháng 12 năm 2024
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký tên)



Handwritten signature: Phan.T.M. Huyền



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Số: 423791

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG (VN)

575/86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Số đơn: 4-2019-44765

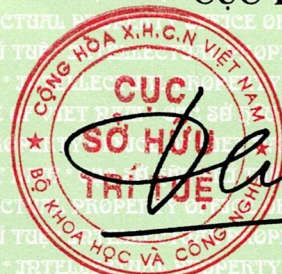
Ngày nộp đơn: 07/11/2019

Cấp theo Quyết định số: 44581/QĐ-SHTT, ngày: 27/05/2022

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).



CỤC TRƯỞNG



VN 4-0423791

Đinh Hữu Phú